PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 4

So sánh các số có nhiều chữ số · Dãy số tự nhiên · sách Kết nối tri thức

Tuần 7

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Điền dấu >, <, =

58 733 205 ☐ 58 737 205 68 039 330 ☐ 68 038 930 31 689 209 ☐ 31 789 209

61 154 660 ☐ 61 154 760 22 222 739 ☐ 22 222 739 84 016 690 ☐ 84 026 690

Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

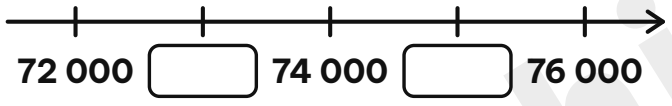
1. Số lớn nhất trong các số 760 769; 752 769; 832 769; 753 669 là:

(A) 760 769 (B) 832 769 (C) 753 669 (D) 752 769

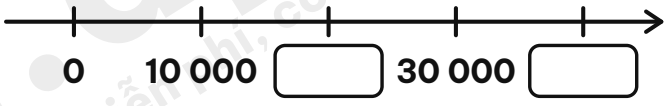
2. Số bé nhất trong các số 760 769; 752 769; 832 769; 753 669 là:

(A) 832 769 (B) 760 769 (C) 753 669 (D) 752 769

Bài 3: Viết số thích hợp vào ô trống trên tia số



a) Mỗi vạch cách nhau 1 000



b) Mỗi vạch cách nhau 10 000

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

☐ **a)** Số 0 là số tự nhiên bé nhất.

☐ **b)** Có số tự nhiên lớn nhất.

☐ **c)** Hai số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.

☐ **d)** Số liền sau của 999 999 là 1 000 000.

Bài 5: Giải bài toán

1. Bốn thư viện A, B, C, D có số sách lần lượt là: 128 450 cuốn; 96 780 cuốn; 132 050 cuốn; 128 540 cuốn. Viết tên các thư viện theo thứ tự có số sách từ nhiều đến ít.

.....

.....

onthi.app
Ôn Thi · Kiểu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 4

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 7

Bài 1: Điền dấu >, <, =

58 733 205 < 58 737 205 68 039 330 > 68 038 930 31 689 209 < 31 789 209

61 154 660 < 61 154 760 22 222 739 = 22 222 739 84 016 690 < 84 026 690

Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. **B** (832 769) 2. **D** (752 769)

Bài 3: Viết số thích hợp vào ô trống trên tia số

a) **73 000 ; 75 000** b) **20 000 ; 40 000**

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) **Đ** b) **S** c) **Đ** d) **Đ**

Bài 5: Giải bài toán

1. Ta có: 132 050 > 128 540 > 128 450 > 96 780. Đáp số: C, D, A, B.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án